

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Lâm nghiệp; Chuyên ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường nông lâm nghiệp

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lưu Quang Vinh

2. Ngày tháng năm sinh: 16/9/1980; Nam ; Nữ ;Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phường Nam Thành, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Khu tập thể, Trường Đại học Lâm nghiệp, Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Khoa Quản lý Tài nguyên rừng và Môi trường (TNR&MT), Trường Đại học Lâm nghiệp, Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại di động: 0912.862.350, E-mail: vinhluq@vnuf.edu.vn hoặc qvinhfuv@yahoo.com.au

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Năm	Vị trí công tác	Nhiệm vụ	Nơi công tác
2002 - 2004	- Trợ giảng	- Tập sự giảng dạy - Hướng dẫn thực tập - Nghiên cứu khoa học	Khoa Quản lý TNR&MT - Trường Đại học Lâm nghiệp
2004 - 2006	- Giảng viên	- Giảng dạy - Hướng dẫn thực tập - Nghiên cứu khoa học	Khoa Quản lý TNR&MT - Trường Đại học Lâm nghiệp
2006 - 2009	- Học Thạc sĩ - Giảng viên - Bí thư Chi đoàn cán bộ	- Học tập - Giảng dạy - Nghiên cứu khoa học - Tổ chức các hoạt động của Chi đoàn cán bộ	Khoa Quản lý TNR&MT - Trường Đại học Lâm nghiệp
2010	Học viên lớp học tiếng Anh	- Học tiếng Anh tập trung để thi chứng chỉ IELTS do Bộ NN&PTNT tổ chức	Trường Đại học Thủy Lợi
2011	Học viên	- Tham dự khóa học về môi trường và phát triển	Đại học Quốc gia Úc (ANU, Australia), The Australian Leadership Awards
2012 - 2016	Nghiên cứu sinh	Tiến hành luận án Tiến sĩ	Đại học Cologne, CHLB Đức
2016 - 2019	Giảng viên	- Giảng dạy - Nghiên cứu khoa học	Khoa Quản lý TNR&MT - Trường Đại học Lâm nghiệp
2019 - nay	- Giảng viên - Trưởng bộ môn Động vật rừng	- Giảng dạy - Nghiên cứu khoa học - Quản lý bộ môn	Khoa Quản lý TNR&MT - Trường Đại học Lâm nghiệp

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Quản lý TNR&MT, Trường Đại học Lâm nghiệp,
Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn.

Địa chỉ cơ quan: Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 024.33.840.628; Fax: 0433.840 063.

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 28 tháng 6 năm 2002, ngành: Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng, chuyên môn hoá Du lịch sinh thái.

Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Lâm nghiệp, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 08 tháng 01 năm 2009, chuyên ngành Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng.

Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Lâm nghiệp, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 07 tháng 7 năm 2016, Chuyên ngành Động vật học.

Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Cologne, CHLB Đức.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Lâm nghiệp

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Nông nghiệp – Lâm nghiệp

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Phân loại học động vật
- Sinh thái học động vật
- Bảo tồn động vật hoang dã
- Du lịch sinh thái

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đang hướng dẫn 02 NCS;
- Hướng dẫn 09 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS kết quả đạt từ giỏi trở lên, trong đó có 05 học viên ngành Quản lý tài nguyên rừng, 01 học viên ngành Khoa học môi trường và 03 học viên ngành Lâm nghiệp Nhiệt đới Quốc tế.
- Đã và đang chủ trì 05 đề tài NCKH: Trong đó, chủ trì hoàn thành và đạt loại xuất sắc 03 đề tài NCKH cấp cơ sở (cấp trường quản lý), 01 đề tài khoa học cấp bộ (xếp loại đạt), 01 đề tài cấp quốc gia Nafosted sẽ hoàn thành trong năm 2020.
- Công bố 69 bài báo khoa học (41 bài báo quốc tế, 26 bài báo trong nước và 02 bài đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc gia).

➤ Chỉ số H-Index của ứng viên (6/2020):

- Google Scholar: 10 (Research ID: K-9819-2013)
 - ResearchGate: 10 (ResearchGate Score: 21,71)
 - Bài báo thuộc danh mục ISI: 37, trong đó:
 - Bài báo thuộc danh mục SCI: 06
 - Bài báo thuộc danh mục SCIE: 17
 - Bài báo không thuộc danh mục SCI và SCIE: 14
 - Bài báo quốc tế có mã số ISSN: 04
 - Bài báo đăng trên tạp chí quốc gia: 26 (07 tiếng Anh và 19 tiếng Việt)
 - Bài báo đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc gia: 02
- Phản biện độc lập cho 04 tạp chí quốc tế bao gồm: *Scientific reports*, *Zookeys*, *Zootaxa* và *Amphibian and Reptile Conservation*.
- Phản biện độc lập cho 02 tạp chí trong nước bao gồm: *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp* (ISSN 1859-3828- bản tiếng Việt và tiếng Anh) và *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn* (ISSN 1859-4581).
- Xuất bản 02 tài liệu gồm giáo trình và sách tham khảo:

(1) Tham gia viết giáo trình “*Quản lý động vật rừng*”, gồm 03 tác giả, 103 trang, dành cho bậc đào tạo đại học và sau đại học ngành Quản lý tài nguyên rừng, Trường Đại học Lâm nghiệp. Nơi xuất bản: NXB Nông nghiệp, Hà Nội theo quyết định in số 86-2009/CXB/11144-02/NN do Cục xuất bản cấp ngày 02/02/2009.

(2) Tham gia viết sách tham khảo do Nhà nước đặt hàng “*Các loài động vật quý hiếm ưu tiên bảo vệ ở Việt Nam*” dành cho bậc đào tạo đại học và sau đại học của Trường Đại học Lâm nghiệp. Nơi xuất bản: NXB Nông nghiệp, Hà Nội theo Quyết định XB số: 140/QĐ-NN ngày 30/12/2016. Mã số ISBN: 978-604-60-2422-4.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Lao động tiên tiến trong 02 năm học 2005-2006; 2006-2007; Giáo viên giỏi/Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trong 06 năm học: 2007-2008; 2008-2009; 2009-2010; 2010-2011; 2017-2018; 2018-2019.

Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm học 2018-2019.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

a) Tiêu chuẩn của nhà giáo

Đối chiếu với tiêu chuẩn của một nhà giáo trong môi trường giảng dạy và nghiên cứu, tôi nhận thấy bản thân đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của một giảng viên đại học với kiến thức chuyên môn sâu, kỹ năng sư phạm tốt, yêu nghề và luôn tâm huyết với nghề. Trong công việc chuyên môn cũng như trong sinh hoạt đời thường tôi luôn cư xử đúng mực và nhận được sự tin yêu của đồng nghiệp, sinh viên và học viên.

b) Nhiệm vụ của nhà giáo

Trong suốt quá trình học tập và công tác từ năm 2002 cho đến nay tôi luôn nỗ lực hết mình để học hỏi, nâng cao trình độ, tận dụng thời gian và cơ hội để nâng cao kiến thức chuyên môn, thực tế và kỹ năng sư phạm phục vụ tốt hơn cho giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Bản thân luôn đi đầu trong việc xây dựng và giảng dạy các môn học mới của Bộ môn và Khoa Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường.

Với công tác đào tạo: tôi trực tiếp giảng dạy, hướng dẫn bậc đại học và sau đại học; tham gia các hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp của sinh viên, luận văn của học viên cao học và luận án tiến sĩ; xây dựng bài giảng, giáo trình, chương trình môn học và viết sách tham khảo phục vụ giảng dạy, chủ động đưa ra các giải pháp cải thiện chất lượng đào tạo.

Ngoài ra, để tăng cường trao đổi học thuật và nghiên cứu khoa học, tôi đã hợp tác với các cơ sở giáo dục và nghiên cứu nước ngoài như Đại học Cologne và Vườn thú Cologne (CHLB Đức), Đại học Colorado (Hoa Kỳ), Đại học Lomé (Ý); các tổ chức quốc tế như CI, WWF, FFI và Turtle Sanctuary and Conservation (Pháp).

Trong thời gian công tác tại trường Đại học Lâm nghiệp từ năm 2002 đến nay tôi luôn giảng dạy vượt định mức giờ giảng với chất lượng tốt. Bên cạnh công tác giảng dạy và hướng dẫn tốt nghiệp cho sinh viên và học viên cao học, tôi còn chủ trì và tham gia các đề tài/dự án nghiên cứu khoa học, các dự án về bảo tồn đa dạng sinh học, tham dự hội thảo trong nước và quốc tế.

Với những thành tích đạt được, tôi tự đánh giá bản thân đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của một giảng viên trường Đại học Lâm nghiệp. Trong thời gian tới, tôi sẽ tiếp tục phấn đấu và hoàn thiện bản thân để đóng góp nhiều hơn cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo của Nhà trường nói riêng và của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nói chung.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

Tổng số 12 năm thâm niên đào tạo (2004 – 2020), không tính thời gian trợ giảng và đi học tập trung nâng cao trình độ ở trong nước và nước ngoài.

Khai cụ thể ít nhất 6 thâm niên, trong đó có 3 thâm niên cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ.

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD KLTN ĐH	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	9/2008-8/2009	-	-	-	6	401,5	-	401,5/688,5/280,0
2	9/2009-8/2010	-	-	-	2	266,5	-	266,5/382,5/280,0
3	9/2010-8/2011	-	-	-	1	240,0	-	240,0/367,7/280,0
3 năm học cuối								
4	9/2016-8/2017	-	-	-	4	131,2	10,0	141,2/322,0/270,0
5	9/2017-8/2018	-	-	1	5	300,0	150,0	450,0/611,2/270,0
6	9/2018-8/2019	1	-	5	7	140,0	90,0	230,0/690,4/270,0

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- **Học viên chương trình Môi trường và phát triển học tại:** Australia (04 tháng) từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2011;

- **Học nghiên cứu sinh tại nước:** CHLB Đức (04 năm) từ tháng 12/2012 đến tháng 11/2016.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Tham gia khóa học tiếng Anh tập trung 6 tháng, từ tháng 5 đến tháng 10 năm 2010 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức tại Đại học Thủy Lợi.

- Tham gia khóa học về phương pháp giảng dạy tiếng Anh, từ ngày 11 đến ngày 15 tháng 12 năm 2017 do Hội đồng Anh giảng dạy và cấp chứng chỉ.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- **Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh** cho Chương trình tiên tiến ngành Quản lý tài nguyên thiên nhiên bậc đại học (Môn học Quản lý hệ sinh thái tổng hợp, Anh văn chuyên ngành và Quản lý các khu bảo tồn và vườn quốc gia).

- **Nơi giảng dạy** (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Lâm nghiệp, Việt Nam

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): IELTS, 2011

4. Hướng dẫn HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HV	Đối tượng		Trách nhiệm		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Huy Quang		x	x		2018	ĐH Lâm nghiệp	Số 1559/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 20/7/2018
2	Paseun souvannasy		x	x		2018	ĐH Lâm nghiệp	Số 2581/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 23/11/2018
3	Phạm Văn Thông		x	x		2018	ĐH Lâm nghiệp	Số 2581/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 23/11/2018
4	Hà Văn Nghĩa		x	x		2018	ĐH Lâm nghiệp	Số 2914/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 28/12/2018
5	Đỗ Thị Lý		x	x		2018	ĐH Lâm nghiệp	Số 2914/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 28/12/2018
6	Trần Quang Huy		x	x		2019	ĐH Lâm nghiệp	Số 1671/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 19/8/2019
7	Nguyễn Huyền Thương		x	x		2019	ĐH Lâm nghiệp	Số 2748/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 30/12/2019
8	Lò Văn Oanh		x	x		2019	ĐH Lâm nghiệp	Số 2748/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 30/12/2019
9	Tráng A Thành		x	x		2019	ĐH Lâm nghiệp	Số 2748/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 30/12/2019

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ							
1	Quản lý động vật rừng	GT	NXB Nông nghiệp, Hà Nội - 2009	03		5-28	Số 185/GCN-ĐHLN-ĐT
Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ							
2	Các loài động vật quý hiếm ưu tiên bảo vệ ở Việt Nam	TK	NXB Nông nghiệp, Hà Nội - 2016	04		124-163	Sách Nhà nước đặt hàng

- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên CT, ĐT	CN	TG	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Ngày nghiệm thu	Kết quả
Trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ							
1	Đặc điểm sinh học và sinh thái loài Gà tiền mặt vàng (<i>Polyplectron bicaratum</i> Linaenus, 1758) phục vụ bảo tồn nguồn gen và phát triển kinh tế địa phương	CN		Đề tài NCKH cấp Bộ	2012 - 2014	06/8/2014	Đạt
Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ							
2	Điều tra thành phần loài bò sát, ếch nhái tại rừng thực nghiệm Núi Luột Trường Đại học Lâm nghiệp	CN		Mã số: LN.QM-2017.12. Đề tài NCKH cấp cơ sở	2017	30/11/2017	Xuất sắc
3	Điều tra thành phần loài, phân bố và tình trạng bảo tồn Bò sát, ếch nhái tại Vườn Quốc gia Ba Vì, Hà Nội	CN		Mã số: LN.QM-2018.4. Đề tài NCKH cấp cơ sở	2018	14/12/2018	Xuất sắc
4	Đa dạng các loài Bò sát tại Khu rừng di tích lịch sử và cảnh quan môi trường Mường Phăng - Pá Khoang, tỉnh Điện Biên	CN		Mã số: LN.QM-2019.4. Đề tài NCKH cấp cơ sở	2019	19/12/2019	Xuất sắc

Lưu ý:

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

Tạp chí quốc tế thuộc danh sách ISI (SCI và SCIE)

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ								
1	<i>Amphiesmoides ornaticeps</i> (Werner, 1924), an addition to the snake fauna of Vietnam, with a redescription and comments on the genus <i>Amphiesmoides</i> Malnate, 1961 (Squamata: Natricidae)	6	Revue suisse de Zoologie/ 0035-418X	SCI, Q2 IF 0,426	7	117	45-56	2010
2	A new <i>Cyrtodactylus</i> (Squamata: Gekkonidae) from Huong Son limestone forest, Hanoi, northern Vietnam	4	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE, Q2 IF 0,927	28	3129	39-50	2011
3	A new species of <i>Cyrtodactylus</i> (Squamata: Gekkonidae) from Khammouane Province, Laos	5	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE, Q2 IF 0,906	24	3760	54-66	2014
4	A new species of the <i>Gekko japonicus</i> group (Squamata: Gekkonidae) from central Laos	7	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE, Q2 IF 0,906	10	3895	73-88	2014
5	A new species of <i>Cyrtodactylus</i> (Squamata: Gekkonidae) from the limestone forest of Khammouane Province, central Laos	5	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE, Q2 IF 0,994	10	4058	388-402	2015
6	Morphological and molecular review of the <i>Gekko</i> diversity of Laos with descriptions of three new species	5	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE, Q2 IF 0,994	7	3986	279-306	2015
7	A new species of karst-dwelling bent-toed gecko (Squamata: Gekkonidae) from Khammouane Province, central Laos	5	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE, Q2 IF 0,972	13	4079	87-102	2016
8	<i>Cyrtodactylus rufford</i> , a new cave-dwelling bent-toed gecko (Squamata: Gekkonidae) from Khammouane Province, central Laos	6	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE, Q2 IF 0,972	14	4067	185-199	2016
9	Evolution in karst massifs: Cryptic diversity among bent-toed geckos along the Truong Son Range with descriptions of three new species and one new country record from Laos	7	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE, Q2 IF 0,972	20	4107	101-140	2016
Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ								
10	A new species of the <i>Cyrtodactylus irregularis</i> complex (Squamata: Gekkonidae) from Gia Lai Province, Central Highlands of Vietnam	5	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE, Q2 IF 0,931	9	4362	385-404	2017

11	First record of <i>Gracixalus quyeti</i> (Amphibia: Anura: Rhacophoridae) from Laos: molecular consistency versus morphological divergence between populations on western and eastern side of the Annamite Range	6	Revue suisse de Zoologie/ 0035-418X	SCI, Q2 IF 0,759	3	124	47-51	2017
12	A new karst dwelling species of the <i>Gekko japonicus</i> group (Squamata: Gekkonidae) from central Laos	5	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE, Q2 IF 0,931	4	4263	179-193	2017
13	A new species of <i>Lycodon</i> Boie, 1826 (Serpentes: Colubridae) from central Laos	6	Revue suisse de Zoologie/ 0035-418X	SCI, Q2 IF 0,759	2	125	163-276	2018
14	Rediscovery of Andrea's keelback, <i>Hebius andreae</i> (Ziegler & Le, 2006): First country record for Laos and phylogenetic placement	7	Revue suisse de Zoologie/ 0035-418X	SCI, Q2 IF 0,759		126 (1)	61-71.	2019
15	A new species of <i>Lycodon</i> Boie, 1826 (Serpentes: Colubridae) from Thanh Hoa Province, Vietnam	5	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE, Q2 IF 0,990	1	4586 (2)	261-277	2019
16	Hunters' structured questionnaires enhance ecological knowledge and provide circumstantial survival evidence for the world's rarest turtle	6	Aquatic Conservation: Marine and Freshwater Ecosystems/IS SN 1052-7613	SCI, Q1 IF 2,988	1	2019	1-11	2019
17	A new species of <i>Leptobranchella</i> Smith 1925 (Anura: Megophryidae) from Thanh Hoa Province, Vietnam	5	Raffles bulletin of zoology/ISSN 0217-2445	ISI, Q2 IF 1,213		67	536-556	2019
18	A new species of <i>Cyrtodactylus</i> (Squamata: Gekkonidae) from Vientiane province, northern Laos.	6	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE, Q2 IF 0,990		4071 (3)	257-275	2019
19	Longitudinal monitoring of turtle trade through Facebook in Vietnam	6	Herpetological journal/ ISSN 0268-0130	SCIE, Q2 IF 1,268	4	29	48-56	2019
20	Fishers, dams, and the potential survival of the world's rarest turtle, <i>Rafetus swinhoei</i> , in two river basins in northern Vietnam	9	Aquatic Conservation: Marine and Freshwater Ecosystems/IS SN 1052-7613	SCI, Q1 IF 2,988	1	2020	1-14.	2020
21	A new species of <i>Dixonius</i> (Squamata: Gekkonidae) from the karst forest of Khammouane Province, central Laos	7	Zootaxa/ ISSN 1175-5326	SCIE, Q2 IF=0,990		4759(4)	530-542	2020
22	Farming Characteristics and the Ecology of <i>Palea steindachneri</i> (Trionychidae) in Vietnam	10	Russian Journal of Herpetology/IS SN 2713-1467	SCIE, Q3 IF=0,325		27(2)	97-108	2020
23	A new locality of presence for the world's rarest turtle (<i>Rafetus swinhoei</i>) gives new hope for its survival	8	Journal for Nature Conservation/ ISSN 1617-1381	SCI, Q1 IF=2,289		55 (2020) 125833	1-4	2020

Tạp chí quốc tế thuộc danh sách Scopus (không thuộc danh mục SCI hoặc SCIE)

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ								
1	No end in sight? Further new records of amphibians and reptiles from Phong Nha – Ke Bang National Park, Quang Binh Province, Vietnam	8	Biodiversity Journal/ISSN 2939-0394		23	4	285-300	2013
2	New country records of reptiles from Laos	7	Biodiversity Data Journal/ISSN 1314-2836	ISI, Q2 IF 1,029	17	1: e1015	1-14	2013
3	New records of amphibians from Thuong Tien Nature Reserve, Hoa Binh Province, Vietnam	7	Herpetology Notes/ ISSN 2071-5773	ISI, Q3 IF 0,58	6	7	51-58	2014
4	New records of reptiles from northern Vietnam	6	Abhandlungen des Naturwissenschaftlichen Vereins zu Bremen			47	1-8	2014
5	First records of <i>Gracixalus supercornutus</i> (Orlov, Ho and Nguyen, 2004) and <i>Rhacophorus maximus</i> Günther, 1858 from Laos	6	Herpetology Notes/ ISSN 2071-5773	ISI, Q3 IF 0,58	10	7	419-423	2014
6	New records of the Horned Pitviper, <i>Protobothrops cornutus</i> (Smith, 1930) (Serpentes: Viperidae), from Vietnam with comments on morphological variation	6	Herpetology Notes/ISSN 2071-5773	ISI, Q3 IF 0,51	1	8	149-152	2015
Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ								
7	<i>Oligodon taeniatus</i> (Striped Kukri Snake). Endoparasite.	4	Herpetological Review/ISSN 0018-084X	ISI, Q4 IF 0,12		48	864	2017
8	A Record of an Asian House Gecko, <i>Hemidactylus frenatus</i> , from Laos as a Host of the Pentastome, <i>Kiricephalus pattoni</i> , with Comments on the Distribution and Natural History of This Parasite	6	Comparative Parasitology/ 1525-2647	ISI, Q3 IF 0,51		85	185-192	2018
9	<i>Rhabdophis nigrocinctus</i> (Black-banded keelback).Diet	3	Herpetological Review/ISSN 0018-084X	ISI, Q4 IF 0,15		49	555	2018
10	<i>Xenopeltis unicolor</i> (Asian SunbeamSnake). Diet.	2	Herpetological Review/ISSN 0018-084X	ISI, Q4 IF 0,15		49	360	2018
11	<i>Bungarus fasciatus</i> (Banded Krait). Diet.	2	Herpetological Review/ISSN 0018-084X	ISI, Q4 IF 0,15		49	543	2018
12	<i>Lycodon meridionalis</i> (Vietnamese Large-toothed Snake). Diet.	4	Herpetological Review/ISSN 0018-084X	ISI, Q4 IF 0,15		50	161-162	2019

13	New records and an updated list of reptiles from Ba Vi National Park, Vietnam	5	Bonn zoological Bulletin	ISI, Q3 IF 0,38	1	69(1)	1-9	2020
14	<i>Dendrelaphis ngansonensis</i> (Nganson Bronzeback). Diet.	2	Herpetological Review/ISSN 0018-084X	ISI, Q4 IF 0,15		51(2)	347-348	2020

Tạp chí Quốc tế khác

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ								
1	Rediscovery of the Siamese crocodile (<i>Crocodylus siamensis</i>) in Khammouane Province, central Lao PDR	4	Crocodile specialist group newsletter	IUCN	3	34	11-13	2015
Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ								
2	First reported case of cannibalism in <i>Lychas aberlenci</i> Lourenço, 2013 from the rainforest of Laos (Scorpiones: Buthidae)	4	Revista Ibérica de Aracnología/ISSN: 1576-9518			30	159-161	2017
3	Genetic screening of Siamese crocodile (<i>Crocodylus siamensis</i>) in Laos and Vietnam: Identifying purebred individuals for conservation and release programs	7	Crocodile specialist group newsletter	IUCN	1	37	8-14	2018
4	Evidence of another overlooked Siamese crocodile (<i>Crocodylus siamensis</i>) population in Khammouane Province, central Lao PDR	7	Crocodile specialist group newsletter	IUCN	1	37	6-8	2018

Tạp chí trong nước

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Tạp chí quốc gia	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ								
1	Nghiên cứu đa dạng thành phần loài ếch nhái của Khu bảo tồn thiên nhiên Thượng Tiến, tỉnh Hòa Bình	2	Tạp chí NN& PTNT/ISSN 1859-4581			3	101-104	2009
2	Hiện trạng phát triển du lịch sinh thái của vườn Quốc gia Hoàng Liên, tỉnh Lào Cai	2	Tạp chí Kinh tế sinh thái/ISSN 1858-2317			29	73-80	2009

3	Nghiên cứu đa dạng thành phần loài bò sát tại Khu bảo tồn thiên nhiên Thượng Tiến, tỉnh Hòa Bình	1	Tạp chí Kinh tế sinh thái/ ISSN 1858-2317			39	65-70	2011
4	Đặc điểm sinh học và sinh thái loài Gà tiền mặt vàng (<i>Polyplectron bicalcalatum</i> Linaeus, 1758) trong điều kiện nhân nuôi	3	Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp/ ISSN 1859-3829			3	58-64	2013
5	Thành phần loài bò sát ở vườn Quốc gia Hoàng Liên, tỉnh Lào Cai	3	Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp/ ISSN 1859-3829			11	151-157	2015
6	Thành phần loài bò sát của Khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ, tỉnh Bắc Kạn	3	Tạp chí NN& PTNT/ ISSN 1859-4581			16	136-140	2015
Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ								
7	Thành phần loài bò sát, ếch nhái ở Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình	2	Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp/ ISSN 1859-3829			4	135-141	2017
8	Ghi nhận mới của các loài bò sát tại Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình	4	Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp/ ISSN 1859-3829			20	94-100	2017
9	Cập nhật thành phần loài bò sát và lưỡng cư tại Khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên – Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	1	Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp/ ISSN 1859-3829			3	113-120	2017
10	Tiềm năng phát triển du lịch sinh thái xem chim ở vườn Quốc gia Xuân Thủy, tỉnh Nam Định	6	Tạp chí Rừng và Môi trường/ ISSN 1859-1248			86	44-50	2017
11	Discovery of A New Population of <i>Cyrtodactylus soni</i> Le, Nguyen, Le & Ziegler, 2016 from Ha Nam Province	3	Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp (Journal of Forestry Science And Technology)/ ISSN 1859-3829			5	122-126	2018
12	New record of bent-toed gecko (<i>Cyrtodactylus bobrovi</i> Nguyen, Le, Pham, Ngo, Hoang, Pham & Ziegler, 2015) from Cuc Phuong National Park	3	Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp (Journal of Forestry Science And Technology)/ ISSN 1859-3829		1	2	157-161	2018
13	A new distribution record of <i>Cyrtodactylus soni</i> Le, Nguyen, Le & Ziegler, 2016 (Reptilia: Squamata: Gekkonidae) from Hoa Binh province and threats assessment	2	Tạp chí sinh học (Academia journal of biology)/ ISSN 0866-7160			40	90-95	2018

14	New record of <i>Theلودerma annae</i> Nguyen, Pham, Ngo, Nguyen, Ziegler, 2016 (Anura: Rhacophoridae) from Ninh Binh Province	2	Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp (Journal of Forestry Science And Technology)/ ISSN 1859-3829			5	104-110	2018
15	Using maxent to assess the impact of climate change on the distribution of southern yellow – cheeked crested gibbon (<i>Nomascus gabriellae</i>)	4	Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp (Journal of Forestry Science And Technology)/ ISSN 1859-3829			2	131-142	2018
16	Đánh giá tác động của hoạt động du lịch sinh thái tới môi trường tự nhiên và xã hội tại Bản Lác xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình	9	Tạp Chí Khoa Học và Công Nghệ Lâm nghiệp/ ISSN 1859-3829			1	113 - 122	2018
17	Thực trạng và giải pháp phát triển du lịch sinh thái tại vườn Quốc gia Cát Bà.	10	Tạp chí Rừng và Môi Trường/ ISSN 1859-1248			89	48-53	2018
18	Đánh giá tiềm năng du lịch sinh thái tại khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ tỉnh Bắc Kạn.	8	Tạp chí Rừng và Môi Trường/ ISSN 1859-1248			87,8 8	11-16	2018
19	Thực trạng và một số giải pháp phát triển du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Tam Đảo	9	Tạp chí kinh tế sinh thái/ ISSN 1858-2317			55	25-37	2018
20	Ghi nhận mới các loài lưỡng cư và bò sát tại Vườn quốc gia Cúc Phương, tỉnh Ninh Bình	3	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn/ ISSN 1859-4581			6	138-143	2018
21	Thành phần loài bò sát và lưỡng cư ghi nhận tại Núi Luót, Trường Đại học Lâm Nghiệp, Hà Nội.	2	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn/ ISSN 1859-4581			11	141-148	2018
22	Phân bố và hiện trạng quần thể của loài Vượn đen má hung (<i>Nomascuc gabriellae</i>) ở khu vực Đông Dương	4	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn/ ISSN 1859-4581			7	150-154	2018

23	New records of skinks (squamata: scincidae) from Nam Dong valuable gymnosperm conservation area, Thanh Hoa Province	3	Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp (Journal Of Forestry Science And Technology)/ ISSN 1859-3829			8	109-116	2019
24	Thành phần loài, đặc điểm phân bố và tình trạng bảo tồn các loài bò sát (reptilia) tại Khu rừng Di tích lịch sử và cảnh quan môi trường Mường Phăng - Pá Khoang, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	2	Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp (Journal Of Forestry Science And Technology)/ ISSN 1859-3829			5	117-124	2019
25	New record of the green rat snake <i>Ptyas nigromarginata</i> (blyth, 1854) (squamata: colubridae) from Son La Province, Vietnam	3	Tạp chí KH&CN Lâm nghiệp (Journal of Forestry Science And Technology)/ ISSN 1859-3829			8	134-137	2019
26	Ghi nhận mới các loàiẾch cây (Aphibia: Anura: Rhacophoridae) ở Khu bảo tồn các loài hạt trần, quý hiếm, Nam Động, tỉnh Thanh Hóa.	4	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn/ ISSN 1859-3829			1	186-191	2020

Kỷ yếu hội nghị khoa học quốc tế, quốc gia

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Đăng trên kỷ yếu khoa học	Trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ					
1	Ghi nhận mới của các loài ếch nhái (amphibia) ở tỉnh Bắc Kạn	3	Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 6	39-44	2015
Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ					
2	Ghi nhận mới và cập nhật thành phần loài bò sát tại Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình	5	Báo cáo khoa học hội thảo quốc gia về lưỡng cư và bò sát ở Việt Nam lần thứ 4	88-97	2019

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: **14 bài**.

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

- Tham gia biên soạn đề án mở ngành đào tạo Du lịch sinh thái cho bậc đại học năm 2018-2019, tuyển sinh từ năm 2019;

- Tham gia soạn thảo chương trình đào tạo thạc sỹ Quản lý tài nguyên và môi trường năm 2017, tuyển sinh từ năm 2018;

- Biên soạn đề cương chi tiết môn học Quy hoạch sinh thái cảnh quan, Du lịch sinh thái, Động vật rừng 1 cho ngành Quản lý tài nguyên rừng và ngành Khoa học môi trường bậc đại học;

- Biên soạn đề cương chi tiết môn học Du lịch sinh thái cho ngành đào tạo thạc sỹ Quản lý tài nguyên rừng và ngành Khoa học môi trường;

- Ngoài ra còn tham gia rà soát, cập nhật và đánh giá ngoài các chương trình đào tạo cho bậc đại học và cao học.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: **Không**

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: Không

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: ...

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: Không

- Không đủ số CTKH là tác giả chính: Không

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH Không

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: Không

(* *Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.*)

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lưu Quang Vinh